TOÀ ÁN QUÂN SỰ **KHU VỰC 2 QUÂN KHU 3**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 06/2018/HS - ST
Ngày 20-9-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC 2 QUÂN KHU 3

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Thiếu tá Lê Ngọc Tuấn.

Các Hội thẩm quân nhân:

1. Thiếu tá Nguyễn Đình Hoàng,

2. Trung tá Hoàng Văn Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Trung úy Bùi Đức Tùng, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 3.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 32 tham gia phiên tòa: Thiếu tá Nguyễn Xuân Tuân, Thượng úy Nguyễn Thị Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại Phòng xử án, Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 3 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 07/2018/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn Tr; giới tính: Nam; sinh ngày 05 tháng 3 năm 1987; tại xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Chi nhánh T, Binh đoàn T; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: 2/ QNCN, nhân viên Chi nhánh T, Binh đoàn T; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; con ông Trần Văn H và bà Đào Thị T; có vợ là Nguyễn Thị Lan P và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không bị kết án, xử lý hành chính và xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Tạm giữ" từ ngày 01/5/2018 đến 06/5/2018, sau đó được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đến nay. Có mặt.

2. Trần Đại T1; giới tính: Nam; sinh ngày 20 tháng 5 năm 1987; tại xã L, huyện G, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xã L, huyện G, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; con ông Trần Văn C (đã chết) và bà Trần Thị M; có vợ là Chu Thị D và 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không bị kết án, xử lý hành chính và xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Tạm giữ"

từ ngày 01/5/2018 đến 06/5/2018, sau đó được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đến nay. Có mặt.

3. Ngô Xuân Đ; giới tính: Nam; sinh ngày 22 tháng 9 năm 1988; tại xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Ngô Văn Tr và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị L và 01 con, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/6/2014 bị Công an huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình ra quyết định số 118/QĐ - XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 23/11/2015 bị Công an huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình ra quyết định số 06/QĐ - XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Các vi phạm trên đã được xóa và coi như chưa vi phạm; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Tạm giữ" từ ngày 01/5/2018 đến 06/5/2018, sau đó được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đến nay. Có mặt.

4. Đinh Anh T2; giới tính: Nam; sinh ngày 28 tháng 10 năm 1985; tại xã L, huyện G, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xã L, huyện G, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đinh Gia Ng và bà Vũ Thị Th; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không bị kết án, xử lý hành chính và xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Tạm giữ" từ ngày 01/5/2018 đến 06/5/2018, sau đó được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đến nay. Có mặt.

- Người làm chứng:

Trần Văn Th, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 30/4/2018, Trần Văn Tr nhân viên Chi nhánh T, Binh đoàn T sau khi ăn cơm, uống rượu, hát karaoke cùng với bạn là Trần Đại T1 và Ngô Xuân Đ, T1 đã rủ Tr và Đ về nhà đánh bài ăn tiền. Tr và Đ đồng ý. Khoảng 23 giờ cùng ngày, Đ điều khiển xe môtô biển kiểm soát (BKS):29H1- 097.07, Tr điều khiển xe môtô BKS: 35F8-1077 chở T1 về nhà mẹ đẻ T1 là bà Trần Thị M, trú tại xã L, huyện G, tỉnh Ninh Bình chơi. Khi đến nhà bà M thấy có Trần Văn Th (là anh trai T1) và Đinh Anh T2 (bạn của Th) đang uống nước tại phòng khách thì T1, Đ, Tr ngồi uống nước cùng. Tại đây, Đ nhìn thấy có bộ bài tú lơ khơ trên bàn phòng khách, Đ cầm lên và rủ mọi người "làm vài ván". Nghe Đ nói vậy T1, Tr và T2 đồng ý rồi cùng ngồi xuống nền nhà phòng khách đánh bài bằng hình thức ba cây, được thua bằng tiền. Mọi người thống nhất luật chơi là sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân, bỏ đi các quân bài 10, J, Q, K và dùng 36 quân bài còn lại từ "A" đến "9" để chơi. Ván đầu chia mỗi người 3 quân bài, từng người cộng điểm, bài nào có điểm cao nhất thì người đó cầm chương. Cách tính điểm là cộng điểm 3 quân bài với nhau, "A" tính là 1 điểm, các quân còn lại là số điểm trên quân bài; nếu tổng

điểm 3 quân bài là 10, 20 thì lấy là 10; nếu tổng điểm 3 quân bài hơn 10, 20 thì lấy số điểm dư; nếu tổng điểm 3 quân bài của những người chơi bằng nhau thì lấy chất theo thứ tự từ cao xuống thấp là rô-cơ-tép-bích. Tính theo chất "rô" thì "A" là cao nhất và "2" là thấp nhất, các chất khác còn lại thì "9" là cao nhất và "A" là thấp nhất. Trước khi người cầm chương chia bài, những người chơi đặt tiền xuống cửa để chơi với người cầm chương. Số tiền đặt cửa thấp nhất là 20.000 đồng, cao nhất tuỳ ý nhưng phải được sự chấp nhận của người cầm chương. Riêng T2 khi cầm chương T2 quy định số tiền đặt cửa cao nhất là 100.000 đồng. Nếu điểm của người chơi cao hơn người cầm chương thì người cầm chương phải trả số tiền tương ứng số tiền người chơi đặt cửa và ngược lại. Người chơi được 10 điểm thì được nhân đôi số tiền đặt cửa và thay người cầm chương, bài có 3 quân giống nhau (ví dụ: AAA, 333…) gọi là "sáp" thì người chơi được nhân ba số tiền đặt cửa, bài có 3 quân liên tiếp cùng chất (ví dụ: 2,3,4 tép, 7,8,9 rô…) gọi là "suốt" thì người chơi được nhân bốn số tiền đặt cửa khi người cầm chương thua; ngược lại nếu người cầm chương thắng thì các người chơi sẽ phải trả số tiền tương ứng cho người cầm chương. Các bị cáo đánh bài ở phòng khách nhà bà M được một lúc thì chuyển vào phòng ngủ chơi tiếp, đến khoảng 03 giờ ngày 01/5/2018 thì bị Công an huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc 5.300.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân; thu dưới đệm phòng ngủ bên cạnh 19.000.000 đồng của Đ, thu trên người T2 1.800.000 đồng và 01 ví, thu trên người Tr 1.260.000 đồng, thu trên người Đ 500.000 đồng, thu của T1 01 ví, thu 04 điện thoại di động và 03 xe môtô các loại.

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình lập hồi 03 giờ 30 phút ngày 01/5/2018 có nội dung: Khoảng 03 giờ ngày 01/5/2018 tổ công tác Công an huyện Gia Viễn phối hợp với Công an xã Gia Lạc phát hiện bắt quả tang tại phòng ngủ nhà bà Trần Thị M, sinh năm 1961 ở xã L có bốn đối tượng gồm Tr, T1, Đ, T2 đang có hành vi đánh bạc ăn tiền dưới hình thức đánh ba cây. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.300.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân và nhiều đồ vật, vật chứng liên quan.

Lời khai của người làm chứng anh Trần Văn Th có nội dung: Khoảng 03 giờ ngày 01/5/2018, khi tôi đang ngồi xem T1, T2, Đ, Tr đang đánh bạc tại phòng ngủ nhà mẹ đẻ tôi là Trần Thị M, ở xã L, huyện G, tỉnh Ninh Bình. Tôi thấy những người này đánh bạc ăn tiền dưới hình thức đánh ba cây được thua bằng tiền, thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.300.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân; ngoài ra còn thu giữ đồ vật, vật chứng khác liên quan đến việc đánh bạc. Sau đó lực lượng Công an lập biên bản và đưa toàn bộ những người có liên quan và đồ vật, vật chứng về trụ sở cơ quan Công an làm việc.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo T1, Đ, Tr và T2 khai nhận có nội dung: Trước khi đánh bạc Đ có 21.600.000 đồng, Đ giấu 19.000.000 đồng dưới đệm giường ngủ bà Trần Thị M còn 2.600.000 đồng Đ sử dụng để đánh bạc, khi bắt đầu đánh bạc Đ bỏ xuống chiếu 2.100.000 đồng còn 500.000 đồng để trong túi quần phía trước bên trái; T1 có 1.100.000 đồng để trong ví, T1 rút ra 400.000

đồng rồi bỏ cả tiền và ví xuống chiếu; Tr có 4.560.000 đồng, Tr lấy 3.300.000 đồng bỏ xuống chiếu còn 1.260.000 đồng để trong túi quần phía trước bên phải; T2 có 600.000 đồng bỏ xuống chiếu. Nếu chơi hết số tiền trên thì Tr, T1 sẽ lấy nốt số tiền còn lại để đánh bài tiếp; Đ lấy 500.000 đồng trên người để chơi tiếp, còn 19.000.000 đồng Đ không sử dụng đánh bài (đây là số tiền Đ dùng để đặt cọc cho việc xuất khẩu lao động). Khi bị lực lượng Công an huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình bắt quả tang, do hoảng sợ nên Tr cầm số tiền trên chiếu tại vị trí Tr ngồi ném lên nóc tủ cạnh đó, Đ cầm số tiền trên chiếu tại vị trí mình ngồi ném xuống nền nhà. Công an thu hồi số tiền trên về đúng vị trí của từng người ngồi đánh bài, sau đó tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản kiểm kê tiền, biên bản thu giữ đồ vật phương tiện, lời khai người làm chứng Trần Văn Th và các chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 04/CT- VKSKV32 ngày 23 tháng 7 năm 2018, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 32 đã truy tố các bị cáo T1, Đ, Tr và T2 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo T1, Đ ,Tr và T2 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự và khẳng định các bị cáo có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây được thua bằng tiền với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 8.860.000 đồng, trong đó tiền thu tại chiếu bạc 5.300.000 đồng (1.600.000 đồng của Đ, 3.000.000 đồng của Tr, 700.000 đồng của T1), tiền thu trên người Đ, Tr, T2 là 3.560.000 đồng (500.000 đồng trong túi quần của Đ, 1.260.000 đồng trong túi quần của Tr và 1.800.000 đồng thu trong ví để trong túi quần của T2), hành vi trên của các bị cáo đã phạm vào tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự: Tuyên bố các bị cáo T1, Đ, Tr và T2 phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Đại T1 số tiền 28.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự xử phạt Ngô Xuân Đ số tiền 27.000.000 đồng đến 29.000.000 đồng.

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Văn Tr số tiền 27.000.000 đồng đến 29.000.000 đồng.

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự xử phạt Đinh Anh T2 số tiền 26.000.000 đồng đến 28.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình giải quyết vụ án Công an huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình thu giữ của bị cáo T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO S3 vỏ màu trắng; thu của bị cáo Tr 01 điện thoại BLACKBERRY vỏ màu đen và 01 xe môtô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER BKS: 29H1-097.07 màu sơn vàng đen; thu của bị cáo Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J2 màu bạc và 01 xe môtô nhãn hiệu DEHAN BKS: 35F8-1077 màu sơn nâu, số tiền 19.000.000 đồng; thu của bị cáo T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 màu đen và 01 xe môtô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS BKS: 35H1-1682 màu sơn vàng đen; các tài sản trên không liên quan trực tiếp đến quá trình phạm tội của các bị cáo Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực Binh đoàn 12 đã trả lại cho các bị cáo và chủ sở hữu hợp pháp các tài sản trên theo các biên bản trả tài sản ngày 29/6/2018 và 30/6/2018, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu nộp ngân sách Nhà nước tổng số tiền 8.860.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc; tịch thu tiêu hủy đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Quá trình giải quyết vụ án Công an huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình thu giữ của bị cáo T2 và bị cáo T1 mỗi bị cáo 01 chiếc ví là tài sản cá nhân của các bị cáo, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo yêu cầu nhận lại các tài sản trên. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại bị cáo T2 và bị cáo T1 chiếc ví trên.

Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Đ, T1, Tr, T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều đồng ý với các nội dung luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, các bị cáo ân hận về những sai phạm của mình đã gây ra, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định các hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản kiểm kê tiền, biên bản thu giữ đồ vật phương tiện, lời khai người làm chứng Trần Văn Th và các chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ vụ án. Phản ánh bị cáo T1 có 1.100.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, bị cáo Đ có 21.600.000 đồng trong đó sử dụng 2.600.000 đồng vào việc đánh bạc, bị cáo Tr có 4.560.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, bị cáo T2 có 600.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc. Quá trình các bị cáo đánh bạc được thua bằng tiền, bằng hình thức đánh ba cây khi bị Công an thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.300.000 đồng gồm (của bị cáo Đ số tiền 1.600.000 đồng, của bị cáo Tr số tiền 3.000.000 đồng, của bị cáo T1 số tiền 700.000 đồng), thu trên người và túi quần của các bị cáo 3.560.000 đồng các bị cáo sẽ sử dụng vào việc đánh bạc, gồm (500.000 đồng của bị cáo Đ để trong túi quần, 1.260.000 đồng của bị cáo Tr để trong túi quần, 1.800.000 đồng thu trên người của bị cáo T2), tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 8.860.000 đồng. Vì vậy hành vi của các bị cáo thực hiện đã cấu thành tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Do đó đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", Bị cáo Đ có bố đẻ là ông Ngô Văn Tr là Thương binh, bản thân ông Tr được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ Vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo T2 có mẹ đẻ là bà Vũ Thị Th được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi của các bị cáo đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức đánh ba cây là nguy hiểm cho xã hội được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn các bị cáo đều là người thực hành về hành vi đánh bạc, trong đó bị cáo T1 là người khởi xướng, trực tiếp đánh bạc cùng với bị cáo Đ, bị cáo Tr và bị cáo T2. Hội đồng xét xử xem xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội

của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo.

[4.1] Đối với bị cáo T1 là người khởi xướng rủ bị cáo Tr và bị cáo Đ tham gia đánh bạc, trực tiếp tham gia đánh bạc với bị cáo Tr, bị cáo Đ, bị cáo T2 với số tiền 1.100.000 đồng, được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án.

[4.2] Đối với bị cáo Đ sau khi tiếp nhận ý chí của bị cáo T1 rủ về nhà mẹ đẻ bị cáo T1 là bà Trần Thị M đánh bạc, tại nhà bà M bị cáo Đ đã rủ thêm bị cáo T2 tham gia đánh bạc cùng các bị cáo, bản thân bị cáo Đ sử dụng số tiền 2.600.000 đồng vào việc đánh bạc, được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Đ ngày 24/6/2014 bị Công an huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình ra quyết định số 118/QĐ - XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 23/11/2015 bị Công an huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình ra quyết định số 06/QĐ - XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đến nay đã chấp hành xong, các vi phạm trên đã được xóa và coi như chưa vi phạm, do đó bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo T1.

[4.3] Đối với bị cáo Tr sử dụng số tiền 4.560.000 đồng vào việc đánh bạc có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do đó bị cáo Tr phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo Đ.

[4.4] Đối với bị cáo T2 sử dụng số tiền 600.000 đồng vào việc đánh bạc có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự do đó bị cáo T2 phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo Tr.

Từ những phân tích và nhận định trên Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình giải quyết vụ án Công an huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình thu giữ của bị cáo T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO S3 vỏ màu trắng; thu giữ của bị cáo Tr 01 điện thoại BLACKBERRY vỏ màu đen và 01 xe môtô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER BKS: 29H1- 097.07 màu sơn vàng đen; thu giữ của bị cáo Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J2 màu bạc và 01 xe môtô nhãn hiệu DEHAN BKS: 35F8- 1077 màu sơn nâu và số tiền 19.000.000 đồng; thu giữ của bị cáo T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 màu đen và 01 xe môtô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS BKS: 35H1-1682 màu sơn vàng đen; các tài sản trên không liên quan trực tiếp đến quá trình

phạm tội của các bị cáo Cơ quan Điều tra hình sự khu vực Binh đoàn 12 đã trả lại cho các bị cáo và chủ sở hữu hợp pháp các tài sản trên theo các biên bản trả tài sản ngày 29/6/2018 và 30/6/2018, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với số tiền 8.860.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu tiêu hủy đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Quá trình giải quyết vụ án Công an huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình thu giữ của bị cáo T2 và bị cáo T1 mỗi bị cáo 01 chiếc ví là tài sản cá nhân của bị cáo T2 và bị cáo T1, tại phiên tòa hôm nay bị cáo T2 và bị cáo T1 yêu cầu nhận lại các tài sản trên. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại bị cáo T2 và bị cáo T1 chiếc ví trên.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo T1, Đ, Tr, T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự: Tuyên bố các bị cáo Trần Đại T1, Ngô Xuân Đ, Trần Văn Tr, Đinh Anh T2 phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Đại T1 số tiền 29.000.000 (hai chín triệu) đồng.

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự xử phạt Ngô Xuân Đ số tiền 28.000.000 (hai tám triệu) đồng.

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Văn Tr số tiền 27.000.000 (hai bảy triệu) đồng.

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự xử phạt Đinh Anh T2 số tiền 26.000.000 (hai sáu triệu) đồng.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 8.860.000 (tám triệu, tám trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại bị cáo T2 và bị cáo T1 mỗi bị cáo 01 chiếc ví.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 01/5/2018, biên bản kiểm kê tiền ngày 01/5/2018 và biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/8/2018 của Phòng Thi hành án Quân khu 3).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo Trần Đại T1, Ngô Xuân Đ, Trần Văn Tr, Đinh Anh T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/9/2018) các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án quân sự Quân khu 3./.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- VKSQSKV32;
- VKSQSQK3;
- CQĐTHSKVBĐ12;
- CQTHA Quân khu 3;
- TAQSTW;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu tiểu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Thiếu tá Lê Ngọc Tuấn